

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày: 21/4/2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hoàn;

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 658/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng L;

Địa chỉ trụ sở: Số 109, phường C, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh Trần Phạm Tuấn V – Nhân viên xử lý nợ - Phòng hỗ trợ hoạt động, (có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1965, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1964, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Phước T, sinh năm 1995, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Lợi B, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Chị Ngô Thùy A, sinh năm 1987, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

3. Anh Ngô Văn M, sinh năm 1985, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 21/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng L có đại diện theo ủy quyền là anh Trần Phạm Tuấn V trình bày:***

Bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 và HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021 với Ngân hàng L. Hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho bà P và ông T vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây:

- Hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020. Số tiền vay: 250.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm. Thời hạn vay: 120 tháng (từ ngày 24/07/2020 đến hết ngày 23/07/2030). Lãi suất: 13%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả trong 20 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 06 tháng), số tiền gốc phải trả mỗi kỳ từ kỳ 01 đến kỳ 20 là 12.500.000 đồng/kỳ. Kỳ gốc đầu tiên được trả vào ngày 15/10/2021. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả trong 40 kỳ (mỗi kỳ tương ứng 03 tháng) vào ngày 15 theo dư nợ thực tế. Kỳ lãi đầu tiên được trả vào ngày 15/10/2020. Ngày trả nợ cuối cùng: 23/07/2030.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021. Số tiền vay: 25.000.000 đồng. Mục đích vay: Tiêu dùng mua sắm. Thời hạn vay: 12 tháng (từ ngày 22/07/2021 đến hết ngày 22/07/2022). Lãi suất: 12%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ. Kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng theo dư nợ thực tế. Ngày trả nợ cuối cùng: 22/07/2022.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021 và HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020, bà P và ông T đã ký nhận nợ tại Ngân Hàng L với tổng số tiền là: 275.000.000 đồng.

Ngày 22/07/2020, ông P, bà T có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3092/2020/HĐTC/PGD CaiLay để thế chấp các tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất thứ nhất tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345590, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04358 do UBND Huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T).

- Quyền sử dụng đất thứ hai tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345589, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04357 do UBND Huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T).

Trong thời gian vay, đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020, bà P và ông T chỉ thanh toán 04 kỳ gốc (tổng số tiền: 50.000.000 đồng, kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/07/2022) và thanh toán 08 kỳ lãi (số tiền: 60.000.000 đồng, kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/07/2022) cho Ngân hàng. Đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021, bà P và ông T chỉ thanh toán 11 kỳ lãi (tổng số tiền: 2.655.476 đồng, kể từ ngày 16/08/2021 đến ngày 15/06/2022) và chưa thanh toán kỳ trả nợ gốc cho Ngân hàng. Tổng cộng số tiền gốc bà P và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng là 50.000.000 đồng và tổng tiền lãi đã thanh toán là 62.655.476 đồng. Kể từ kỳ trả nợ ngày 15/07/2022, bà P và ông T đã không thanh toán nợ các kỳ tiếp theo cho Ngân hàng.

Bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T không thực hiện đúng theo cam kết tại 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo nợ quá hạn và làm việc trực tiếp với khách hàng và gia đình khách hàng, tạo mọi điều kiện nhưng bà P, ông T vẫn không hợp tác. Tính đến ngày 21/11/2022, khoản vay đã quá hạn 164 ngày.

- Do đó, Ngân hàng L yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T phải trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc, lãi tạm tính đến ngày 21/11/2022 là 241.925.141 đồng (trong đó vốn gốc là 225.000.000 đồng, nợ lãi là 16.925.141 đồng). Phần lãi phát sinh sau ngày 15/07/2022 sẽ được tính theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn và được tính cho đến khi bà P, ông T thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật.

Chấm dứt hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 và hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021 được ký kết giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T.

Đến ngày 07/03/2023, bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T đã nộp tiền vào ngân hàng để trả hết phần nợ trễ hạn đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 với số tiền là 25.830.137 đồng và tất toán xong hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ngày 22/07/2021 với số tiền là 25.297.774 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.953.908 đồng. Trong đó, vốn gốc: là 37.500.000 đồng và tiền lãi là:

9.453.908 đồng. Đồng thời, Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ký ngày 22/07/2021 do bà P và ông T đã tắt toán xong khoản vay.

- Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà P và ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt theo hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 với số tiền tạm tính đến ngày 21/04/2023 là: 194.971.233 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 187.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.471.233 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/04/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 cho đến ngày bà P và ông T trả hết nợ cho Ngân hàng. Thanh toán một lần ngay sau khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020.

Trường hợp bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T không trả nợ hoặc chỉ trả một phần khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất thứ nhất tại thửa đất số 303, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345590, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04358 do UBND Huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T.

- Quyền sử dụng đất thứ hai tại thửa đất số 302, tờ bản đồ số 18 tại địa chỉ: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345589, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04357 do UBND Huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T.

Trong trường hợp phát mãi tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng thì buộc bà P và ông T tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng L.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhưng bà P, ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước T, chị Ngô Thùy A, anh Ngô Văn M vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn bà P, ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, chị An, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng L tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 46.953.908 đồng. Trong đó, vốn gốc: là 37.500.000 đồng và tiền lãi là: 9.453.908 đồng. Đồng thời, Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 ký ngày 22/07/2021 do bà P và ông T đã tất toán xong khoản vay. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với số tiền 46.953.908 đồng. Đồng thời đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 do bà P và ông T đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 22/07/2021.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng L yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị P, ông Ngô Văn T trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhằm mục đích tiêu dùng mua sắm. Bà P, ông T có địa chỉ tại ấp M, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

3.1. Giao dịch dân sự về việc cho vay tiền giữa Ngân hàng L với ông T, bà P có lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử công nhận.

3.2. Bà P, ông T đã nhận đủ tiền vay nhưng không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số: HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 và mục 14, mục 15 của Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ đã ký số 49B2020128/01 ngày 23/7/2020 đồng thời vi phạm Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. “

Tại điểm e, f của khoản 7.1 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng số:

HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020, giữa Ngân hàng và bà P, ông T có quy định: “Bên vay có khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn tại Tổ chức tín dụng khác và/hoặc có nguy cơ không có khả năng trả nợ..... Bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay, P theo các thỏa thuận tại Hợp đồng.... thì Ngân hàng được quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ vốn vay của bên vay”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà P và ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 04 kỳ gốc (tổng số tiền: 50.000.000 đồng, kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/07/2022) và thanh toán 08 kỳ lãi (số tiền: 60.000.000 đồng, kể từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/07/2022) cho Ngân hàng thì ngưng cho đến ngày 07/03/2023 thì bà P và ông T mới trả hết phần nợ trễ hạn với số tiền là 25.830.137 đồng. Tuy nhiên, bà P và ông T đã trả nợ không đúng theo điều khoản của hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020, đồng thời hiện bà P, ông T đang có khoản vay chuyển sang nợ quá hạn và có nguy cơ không có khả năng trả nợ. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà P, ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ trước hạn và chấm dứt hợp đồng tín dụng số HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Tính đến ngày 21/4/2023 (ngày xét xử) bà P, ông T còn nợ tiền vốn là 187.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.471.233 đồng. Tổng cộng là 194.971.233 đồng (có bảng kê kèm theo) nên Ngân hàng yêu cầu bà P, ông T có nghĩa vụ trả tiền còn nợ ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.3. Về tiền lãi: Xét Ngân hàng yêu cầu kể từ ngày 21/4/2023 nếu bà P, ông T không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì còn phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ đã ký số 49B2020128/01 ngày 23/7/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ còn thiếu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3092/2020/HĐTC/PGD CaiLay ngày 22/7/2020 đã được Phòng công chứng số 1 tỉnh Tiền Giang công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ngày 23/7/2020. Do đó, việc thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất nêu trên là hợp pháp, có giá trị thực hiện. Trường hợp bà P, ông T không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng L có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản đã thế chấp để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng theo quy định tại các Điều 299, 317, 318 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Bị đơn bà P, ông T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Toàn, chị An, anh Mãi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng không có ý kiến cũng như không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L.

[6] Về án P: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án P dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, 470, Điều 299, 317, 318 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án P và lệ P Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T trả số tiền 46.953.908 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L đối với hợp đồng tín dụng số HDTD49B2021275 do bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T đã ký kết với Ngân hàng vào ngày 22/07/2021.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng L.

- Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T phải trả cho Ngân hàng L số tiền 194.971.233 đồng (trong đó tiền vốn là 187.500.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 7.471.233 đồng), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023) cho đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại Hợp đồng

tín dụng số: HDTD49B2020128 ngày 22/07/2020 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T với Ngân hàng L.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên hoặc thực hiện không đầy đủ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 303, tờ bản đồ số 18 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345590, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04358 do UBND huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T. Thửa đất số 302, tờ bản đồ số 18 tại ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 345589, sổ vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất: H04357 do UBND huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang cấp ngày 10/04/2008 cho hộ ông Ngô Văn T để thu hồi nợ.

3. Về án P:

- Bà Nguyễn Thị P và ông Ngô Văn T phải chịu 9.749.000 đồng án P dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng L số tiền 6.000.000 đồng tạm ứng án P đã nộp theo biên lai thu số 0017047 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Nhanh

